

Bản án số: 05/2018/HC-ST

Ngày: 18-04-2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thu
hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chi.

Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa:

Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 18 tháng 04 năm 2018 tại phòng xử án hành chính, Tòa án nhân dân Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2015/TLST-HC ngày 05 tháng 02 năm 2015 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thu hồi đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HC ngày 30/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HC ngày 30/03/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trà Trần Ngọc H, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: bà Trà Trần Thanh H, sinh năm 1972. Địa chỉ liên lạc: Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền lập ngày 29/12/2014 tại Văn phòng công chứng T (Bà Thanh H có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Phước H– Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện gồm: Ông Trần Cảnh P, ông Nguyễn Văn Q, ông Phạm Hoàng Anh T. Địa chỉ: Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường K, Quận H.

Địa chỉ: phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng T. Văn bản ủy quyền số 244/GUQ-UBND lập ngày 15/6/2014. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/01/2015 và tại các bản tự khai, bà Trà Trần Thanh H đại diện ủy quyền cho người khởi kiện trình bày yêu cầu:

Bà Trà Trần Ngọc H là chủ sở hữu căn nhà và đất tọa lạc tại phường K, Quận H, TP. Hồ Chí Minh, có tổng diện tích đất là $233,93m^2$, trong đó có diện tích xây dựng là $30,46m^2$. Nguồn gốc do bà Trà Trần Ngọc H sang nhượng lại của bà Bùi Thị H từ năm 1996, đất có nguồn gốc trước năm 1975 do ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị L đứng bộ. Khi bà Ngọc H nhận sang nhượng đất thì trên đất đã có căn nhà lá của bà H, sau đó đến năm 1998 bà Ngọc H sửa chữa và xây dựng lại căn nhà mới trên nền nhà lá cũ. Quá trình sử dụng đất, bà Ngọc H có nộp thuế đất đầy đủ.

Nhà và đất của bà Ngọc H nằm trong khu đô thị mới T. Ủy ban nhân dân Quận H đã ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011. Không đồng tình với quyết định này, bà Ngọc H khiếu nại và Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định bồi thường bổ sung số 2275/QĐ-UBND ngày 19/05/2014 kèm theo bảng chiết tính 840/BS-BKK ngày 29/4/2014 để điều chỉnh giá bồi thường từ $150.000đ/m^2$ lên $200.000đ/m^2$ đối với tổng diện tích $226,19m^2$ đất nông nghiệp. Bà Ngọc H không chấp nhận bồi thường trị giá đất theo giá nông nghiệp nên bà Ngọc H khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H để được bồi thường tổng diện tích $233,93m^2$ theo đơn giá đất ở.

Tại đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ngày 01/8/2017, bà Ngọc H yêu cầu hủy quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H để bà Ngọc H được bồi thường theo giá đất ở và hưởng tiêu chuẩn cấp căn hộ tái định cư theo quy định.

Tại phiên tòa, bà Trà Trần Thanh H đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện xác định yêu cầu: Hủy quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H để bà Ngọc H được bồi thường theo giá đất ở và hưởng tiêu chuẩn cấp căn hộ tái định cư theo quy định.

Bà Trà Trần Thanh H đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện xác định khiếu kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Quận 2 đối với các quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 mà không khiếu nại các quyết định này tại bất kỳ cơ quan nào khác. Và xác định cũng không khởi kiện quyết định hành chính nào khác.

Ý kiến của người bị kiện:

Ủy ban nhân dân Quận H do ông Nguyễn Phước H- Chủ tịch đại diện hợp pháp tham gia tố tụng vụ án đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Công bố văn bản trình bày ý kiến của Ủy ban nhân dân Quận H:

Hội đồng Bồi thường hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới T giải quyết bồi thường đối với phần diện tích 233,93m² của bà Trà Trần Ngọc H theo đơn giá đất nông nghiệp san lấp là phù hợp theo Khoản 1, 3, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố có quy định:

“Đơn giá bồi thường thiệt hại đất trồng cây hàng năm, kể cả ao, hồ tự đào áp dụng theo đơn giá tối đa (dạng 1) quy định tại Quyết định 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố là 19.300đ/m², nhân với hệ số $K \approx 7,77$. Mức giá bồi thường là 150.000 đ/m².

Đối với đất trồng cây lâu năm (có nguồn gốc là đất ruộng đã đầu tư cải tạo, bồi đắp thành vườn), được tính đền bù theo giá đền bù đất trồng cây hàng năm quy định tại khoản 1 Điều này và cộng thêm mức hỗ trợ chi phí cải tạo, bồi đắp 50.000đ/m². Mức giá đền bù là 200.000đ/m².”

Việc Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Trà Trần Ngọc H là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân quận 2 giữ nguyên các quyết định và không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của người khởi kiện.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân phường K là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ủy ban nhân dân phường K có xác nhận pháp lý số 425/UBND-XN ngày 27/12/2010 đối với bà Trà Trần Ngọc H như sau: Phần nhà đất giải tỏa tọa lạc tại vị trí: đất trống, phường K, quận H thuộc một phần thửa 34, tờ bản đồ số 8 (bản đồ địa chính năm 2002), thuộc một phần thửa 528, 529, rạch, tờ bản đồ số 1 (tài liệu 299/TTg), phường K do bà Trà Trần Ngọc H sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa Khu đô thị mới T theo Quyết định thu hồi đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích giải tỏa: 233,93m² hiện trạng giải tỏa toàn bộ, trong đó diện tích xây dựng 30,46m².

Ngày 17/4/2014, Ủy ban nhân dân phường K có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất bổ sung số 11/UBND-XN đối với bà Trà Trần Ngọc H theo đó Ủy ban nhân dân phường K xác định “toàn bộ khu đất diện tích 233,93m² theo bản vẽ bồi thường đứng tên bà Trà Trần Ngọc H đã được san lấp từ sau ngày

16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001”. Ủy ban nhân dân phường K thống nhất với các ý kiến và phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại của Ủy ban nhân dân Quận H.

Tại phiên tòa, đại diện cho Ủy ban nhân dân phường K đề nghị Tòa án xét xử các yêu cầu của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

- Thẩm quyền giải quyết: Vụ án thụ lý trước thời điểm ngày 01/7/2016 nên theo quy định tại điều 30 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 5 điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2;

- Thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của bà Trà Trần Ngọc H còn trong thời hạn khởi kiện theo qui định điểm a, khoản 2, điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Việc thông báo thụ lý vụ án, và việc tổng đạt, thông báo văn bản tổ tụng vụ án cho bà Trà Trần Ngọc H và việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại được Tòa án đã thực hiện đúng theo qui định tại các điều 20, 38, 125, 126, 130, 142, 145, 147 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng thời gian, địa điểm theo điều 125; Thành phần Hội đồng xét xử theo qui định điều 128; Thủ tục khai mạc phiên tòa đúng qui định tại điều 142; Việc tham gia hỏi tại phiên tòa được tuân thủ qui định tại khoản 2 điều 148, điều 189 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định tại điều 48, điều 79, và điều 127 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

4. Nội dung vụ án và các yêu cầu của đương sự:

Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Trần Ngọc H về việc yêu cầu hủy các quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/05/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét và đánh giá kết quả tranh tụng của đương sự tại phiên tòa. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Ngày 28/01/2015 bà

Trà Trần Ngọc H khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu hủy các quyết định hành chính này thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn trong thời hạn 01 năm theo Luật tố tụng hành chính quy định. Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý đơn kiện của bà Trà Trần Ngọc H là đúng quy định.

Thẩm quyền giải quyết: Vụ việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:

- Trước khi mở phiên tòa, ngày 26/3/2018 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có văn bản gửi cho Tòa án để rút yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho bà Trà Trần Ngọc H. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bà Ngọc H xác nhận không còn yêu cầu luật sư bảo vệ quyền, lợi ích cho người khởi kiện nên xét ghi nhận việc chấm dứt yêu cầu người bảo vệ tại phiên tòa cho bà Ngọc H.

- *Xét phạm vi giải quyết của vụ án:* Người bị kiện không có yêu cầu phản tố và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 8 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên phạm vi giải quyết vụ án là trong phạm vi các yêu cầu của người khởi kiện.

[3] Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:

Theo chứng cứ có tại hồ sơ thụ lý sơ thẩm và theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 15/01/2018 người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt đã thực hiện việc tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt được thực hiện việc tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ bổ sung. Hội đồng xét xử xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ do Tòa án thu thập, đương sự giao nộp, và được bổ sung và chứng minh tại phiên tòa là bảo đảm nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án theo quy định tại điều 9, 10, 78, 80, 81, 82, 83 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét giải quyết các yêu cầu của đương sự:

- Xét về căn cứ pháp lý để ban hành quyết định hành chính:

Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T;

Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị mới T. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính – Nhà đất duyệt ngày 03 tháng 5 năm 2002.

Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm;

Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể bằng các quyết định:

Căn cứ Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư; Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại; Căn cứ Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002; Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về bồi thường hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Xét về nguồn gốc pháp lý nhà, đất: Căn cứ theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường K số 425/UBND-XN ngày 27/12/2010 đối với bà Trà Trần Ngọc H thì phần nhà đất giải tỏa tọa lạc tại vị trí: đất trống, tổ 25, khu phố 2, phường Bình Khánh, quận 2 thuộc một phần thửa 34, tờ bản đồ số 8 (bản đồ địa chính năm 2002), thuộc một phần thửa 528, 529, rạch, tờ bản đồ số 1 (tài liệu 299/TTg), phường K do bà Trà Trần Ngọc H sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa Khu đô thị mới T theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất giải tỏa: 233,93m², thực trạng giải tỏa toàn bộ, trong đó có diện tích xây dựng 30,46m².

Nguồn gốc: “Đất có nguồn gốc trước năm 1975 do ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị Lững bộ phận đất có diện tích 43.630m² thuộc bằng khoán 163 xã K Sau khi ông C, bà L chết thì phần đất trên do cháu nội là ông Bùi Văn H (ông H là cha bà Bùi Thị H) sử dụng. Năm 1972, chế độ cũ trưng thu 37.420m²/43.630m². Phần đất còn lại 6.210m²/43.630m² do bà Bùi Ngọc H (là con ông H) sử dụng và đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg gồm thửa 528, 529 tờ bản đồ số 1.

Ngày 03/7/1996, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3173/QĐ-UB-NC về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị H, trong đó có giao Ủy ban nhân dân huyện T điều tra thống kê, xử lý các trường hợp chiếm dụng xây cất trên lô 529 (có diện tích 2.236m²) theo đúng quy định pháp luật. Thực tế phần đất này vẫn do gia đình bà H sử dụng (không ai chiếm dụng).

Năm 1996, gia tộc bà H chuyển nhượng một phần đất cho bà Trà Trần Ngọc H, sau năm 2001 bà H xây dựng nhà như hiện trạng tại bản vẽ lập ngày 19

tháng 9 năm 2007, Ủy ban nhân dân phường K xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 01/8/2003, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 606/QĐ-UB-QLĐT ngày 05/02/2004 và Quyết định cưỡng chế số 7133/QĐ-UB ngày 11/11/2004, đã thực hiện cưỡng chế, hiện trạng là đất trống.

Ngày 14/12/2010, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5684/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 3173/QĐ-UB-NC nói trên, theo đó: “giao Ủy ban nhân dân Quận H điều tra, thống kê các trường hợp sử dụng đất có nguồn gốc do lấn chiếm (hoặc có nguồn gốc do gia tộc bà Hời sử dụng, đã sang nhượng bằng giấy tay cho các hộ) thuộc thửa 529 nay thuộc phường K quận 2 có diện tích 1.969,82m²”. Đồng thời xác định: “phần đất thuộc thửa 528 tờ bản đồ số 1 (tài liệu 299/TTg) nay thuộc phường K quận 2 có diện tích 2.001,03m² thuộc Nhà nước trực tiếp quản lý, do chuyển nhượng bất hợp pháp. Về tranh chấp, khiếu nại: Hiện nay không có tranh chấp, khiếu nại”

- Xét về áp giá chiết tính bồi thường:

Ngày 14/01/2011, Hội đồng Bồi thường Khu đô thị mới T đã ký bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 840/BK đối với bà Trà Trần Ngọc H như sau:

A. Bồi thường về đất: Đất nông nghiệp: 226,19m² x 150.000đ/m² x 1,0% = 33.928.500 đồng; Đất chiếm dụng sau năm 2001: 3,84m² (không tính bồi thường); và Rạch theo tài liệu 299/TTg: 3,90m² (không tính bồi thường).

B. Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc: 0 đồng

C. Bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác: 0 đồng.

D. Bồi thường cây trồng, hoa màu: 0 đồng.

E. Các khoản hỗ trợ khác: 0 đồng

Chính sách tái định cư và hỗ trợ tái định cư: Diện tích tiêu chuẩn được hưởng từ chính sách tái định cư: 226,19m² x 4,5% = 10,17855m². Không đủ điều kiện mua căn hộ chung cư.

+ Giá trị tiền hỗ trợ từ chính sách mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư: 10,17855m² x 16.000.000đ/m² = 162.856.800 đồng. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư: 196.785.300 đồng.

Ngày 24/01/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Trà Trần Ngọc H với tổng số tiền là 196.785.300 đồng. Về tái định cư: Không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 05/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 11569/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trà Trần Ngọc H.

Ngày 09/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 556/QĐ-UBND-BBT về giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Ngọc H với nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân quận H. Bác đơn khiếu nại của bà Trà Trần Ngọc H yêu cầu được tái định cư căn hộ chung cư theo giá không kinh doanh”.

Ngày 07/8/2012, Ủy ban nhân dân phường K, Công an phường K, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Thanh tra Xây dựng quận, Phòng Tư pháp quận, Công an quận cùng với Chủ đầu tư dự án tiến hành thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 11569/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Ngày 28/8/2013, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận H có Công văn số 1436/BBT về đề nghị xác nhận thời điểm san lấp đối với phần đất của bà Trà Trần Ngọc H.

Ngày 17/4/2014, Ủy ban nhân dân phường K có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất bổ sung số 11/UBND-XN đối với bà Trà Trần Ngọc H như sau: “Căn cứ giấy thỏa thuận ngày 16/8/1999 về việc xác định diện tích đất đã sang nhượng giữa gia đình bà Bùi Thị H cho bà Trà Trần Ngọc H có thể hiện việc đã san lấp đất. Ủy ban nhân dân phường xác định “toàn bộ khu đất diện tích 233,93m² theo bản vẽ bồi thường đứng tên bà Trà Trần Ngọc H đã được san lấp từ sau ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001”. Các nội dung khác tại xác nhận pháp lý số 425/UBND-XN ngày 27/12/2010 không đổi”

Ngày 29/4/2014, Hội đồng Bồi thường Khu đô thị mới T đã ký bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 840/BS-BK đối với bà Trà Trần Ngọc H như sau:

Đất nông nghiệp san lấp: 226,19m² x 200.000đ/m² x 1,0% = 45.238.000 đồng.

Đất chiếm dụng sau năm 2001: 3,84m² (không tính bồi thường).

Rạch theo tài liệu 299/TTg: 3,90m² (không tính bồi thường).

Những khoản bồi thường, hỗ trợ khác giữ nguyên không thay đổi

Ngày 19/5/2014, Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định số 2275/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Trà Trần Ngọc H với số tiền là 11.309.500 đồng. Ngày 19/12/2014, bà Trà Trần Ngọc H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ thiệt hại và bổ sung theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận 2.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận H về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách, phù hợp theo quy định của pháp luật, và việc công bố, tổng đạt các quyết định hành chính nêu trên đúng trình tự, thời hạn theo luật định nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc hủy Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân quận 2.

- Xét yêu cầu của bà Ngọc H được bồi thường tổng diện tích 233,93m² theo đơn giá đất ở và hưởng tiêu chuẩn cấp căn hộ tái định cư theo quy định. Hội

đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: bà Trà Trần Ngọc H là chủ sở hữu căn nhà và đất tọa lạc tại phường K, Quận H, TP. Hồ Chí Minh có tổng diện tích đất là 233,93m², trong đó có diện tích xây dựng là 30,46m². Nguồn gốc do bà Trà Trần Ngọc H sang nhượng lại của bà Bùi Thị H từ năm 1996, đất có nguồn gốc trước năm 1975 do ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị L đứng bộ. Khi bà Ngọc H nhận sang nhượng đất thì trên đất đã có căn nhà lá của bà H, sau đó đến năm 1998 bà Ngọc H sửa chữa và xây dựng lại căn nhà mới trên nền nhà lá cũ. Quá trình sử dụng đất, bà Ngọc H có nộp thuế đất đầy đủ.

Xét căn cứ tạo lập nhà ở trên đất: Năm 1996, gia tộc bà H chuyển nhượng một phần đất cho bà Trà Trần Ngọc H, sau năm 2001 bà H xây dựng nhà như hiện trạng tại bản vẽ lập ngày 19 tháng 9 năm 2007, Ủy ban nhân dân phường K lập biên bản vi phạm hành chính về việc xây dựng nhà không phép đối với bà Ngọc H nhiều lần vào ngày 14/01/2004. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 01/8/2003, và Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 606/QĐ-UB-QLĐT ngày 05/02/2004 và Quyết định cưỡng chế số 7133/QĐ-UB ngày 11/11/2004, đã thực hiện cưỡng chế, hiện trạng tại thời điểm thu hồi đất, áp giá đền bù, hỗ trợ thiệt hại là khu đất trống.

Bà Trà Trần Ngọc H trình bày năm 1998 bà Ngọc H có sửa chữa và xây dựng lại căn nhà mới trên nền nhà lá cũ, Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến kiến này là không đúng thực trạng quá trình sử dụng đất. Vì căn nhà lá cũ khi sang nhượng đất từ bà H đã được tính áp giá giải quyết bồi thường tại hồ sơ khác liên quan đến khu đất liền kề (theo quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 14/7/2015) nên không có căn cứ xác định trên tổng diện tích đất là 233,93m², trong đó có diện tích xây dựng căn nhà lá cũ là 30,46m².

[5] Hội đồng xét xử, xét ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 trình bày về quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Và rút kinh nghiệm để bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 117 Luật tổ tụng hành chính.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Do yêu cầu không được chấp nhận nên bà Trà Trần Ngọc H phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 8; khoản 1 Điều 28, Điều 30; Điều 38; Điều 9, 10, 78, 80, 81, 82, 83; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157, 164; Điều 182, 193; Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trà Trần Ngọc H về việc hủy Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 và Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Quận H.

2. *Về án phí hành chính sơ thẩm:*

Bà Trà Trần Ngọc H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ngọc H đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu số AC/2012/0030028 ngày 05/02/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

3. *Quyền kháng cáo:*

- Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp đơn kháng cáo của đương sự được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án;
- Đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Chí Quang